TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Kiên Ngọc Minh
Ông Nguyễn Hữu Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 94/2021/TLST-HN ngày 09 tháng 3 năm 2021về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Cao Văn Ph, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17-02-2021 và bản tự khai ngày 09-4-2021 nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé T trình bày: Bà với ông Cao Văn Ph sống chung với nhau không có tổ chức lễ cưới, tháng 02/1995 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nhưng không đi lấy giấy chứng nhận kết hôn nên hiện nay không trích lục được giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chồng thường xuyên cờ bạc về nhà hành hạ ngược đãi, xúc phạm danh dự bà nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt, mục đích

hôn nhân không đạt nên bà với ông Phsống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà với ông Cao Văn Ph là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Cao Toàn Th, sinh ngày 20/4/1996 và con Cao Hoàng Â, sinh ngày 20/4/1998, hiện hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Văn Ph trình bày: Ông Phđã được Tòa án mời nhiều lần nhưng không tham dự nhưng có bản khai ghi ngày 09/4/2021 thống nhất đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Bé T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Cao Toàn Th, sinh ngày 20/4/1996 và con Cao Hoàng Â, sinh ngày 20/4/1998, hiện hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, căn cứ Điều 28 và Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph chung sống với nhau từ năm 1995, hôn lễ không được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán tại địa phương, bà Bé T khai nhận là bà với ông Phcó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T nhưng không nhận giấy chứng nhận kết hôn. Qua xác minh việc đăng ký kết hôn của bà Bé T với ông Ph thì Phòng tư pháp huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh có văn bản số 23/PTP ngày 25/3/2021 trả lời bà Bé T với ông Phkhông có sổ bộ đăng ký kết hôn lưu trữ tại Phòng Tư pháp. Như vậy, có cơ sở kết luận bà Bé T với ông Ph từ khi về sống với nhau từ năm 1995 cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa bà Bé T với ông Ph không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà Bé T với ông Ph đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm,

chăm sóc cho nhau như mới về sống chung. Hiện nay, bản thân bà Bé T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Ph. Về phía ông Ph cũng thống nhất đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy, ông Ph không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm giữa ông Ph với bà Bé T thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph xác nhận con chung tên Cao Toàn Th, sinh ngày 20/4/1996 và con Cao Hoàng Â, sinh ngày 20/4/1998, hiện hai con đã trưởng thành nên bà Bé T và ông Ph không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé T.

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con tên Cao Toàn Th, sinh ngày 20/4/1996 và con Cao Hoàng Ân, sinh ngày 20/4/1998, hiện hai con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ: Bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi tranh chấp các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Bé T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004188 ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Do đó bà Bé T đã nộp xong.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà Huỳnh Thị Bé T với ông Cao Văn Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm